

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

**Biểu mẫu 18E**  
**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thủ Dầu Một  
năm học 2020 -2021**

**E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, báo cáo tốt nghiệp**  
**Chương trình: Kỹ thuật Môi trường**

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng nano than Maccadamia biến tính bằng H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> kết hợp sắt hóa trị zero để xử lý màu Methylene Orange	Quách Văn An	TS. Đào Minh Trung	Ngày nay vật liệu xử lý nước ô nhiễm được ứng dụng rộng rãi trong nước và quốc tế, vì vậy ứng dụng vật liệu xử lý nước từ các phế phẩm trong quá trình sản xuất công nghiệp là hướng đi ngày càng được quan tâm trong thời gian gần đây. Vỏ hạt Mắc ca được chế tạo thành vật liệu xử lý nước thông qua việc nghiên cứu để khảo sát khả năng xử lý màu trong nước thải màu giả định được đề xuất. Kết quả khảo sát cho thấy ở điều kiện phù hợp tương ứng pH = 8, liều lượng 0.9g/L và thời gian xử lý 60 phút, vật liệu than nano than maccadamia biến tính bằng H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> kết hợp nZVI cho kết quả xử lý Methylene Orange tốt nhất đạt 87.92 mg/g dung lượng hấp phụ tương và hiệu suất xử lý là 87.59% ứng độ màu ban đầu 474.67 Pt-Co. Kết quả khảo sát cho thấy được tìm năng xử lý nước của vật liệu, có thể ứng dụng vào công nghệ xử lý nước và nước thải.
2	Đại học	Tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải cụm khu công nghiệp nhựa công	Võ Tường Duy	TS. Đào Minh Trung	Các cụm, KCN phát triển rất nhanh và vững mạnh trên cả nước đã đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế ở các tỉnh. Đồng thời, vấn đề môi trường do hoạt động của cụm, KCN cũng cần được quan tâm, nhất là vấn đề nước thải.

		suất 500m <sup>3</sup> /ngày đêm			<p>Theo quy định trong các điều khoản của pháp luật (Nghị định số 36/CP ngày 24/02/1997 của Chính phủ), tất cả các cụm, KCN đều phải có trạm XLNT. Vì thế, việc đầu tư, thiết kế, xây dựng và lắp đặt cần thiết phải được thực hiện.</p> <p>Nhìn chung từ quá trình hoạt động sản xuất của cụm, KCN nhựa ta có thể nhận thấy hàm lượng chất thải của các nhà máy là rất lớn mà trong đó thành phần thải được xem là quan trọng nhất chính là nước thải. Nước thải của cụm, KCN nhựa có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao và ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân trong khu vực do các chỉ số COD, BOD<sub>5</sub>, SS, Tổng N, Tổng P, coliform đều vượt quá tiêu chuẩn chất lượng nước thải ra môi trường.</p> <p>Công nghệ XLNT tập trung cho cụm khu công nghiệp nhựa là sự kết hợp xử lý hóa lý, sinh học lơ lửng và cơ học. Nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại A (QCVN 40:2011/BTNMT) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Giá thành xây dựng hơn 5 tỷ VNĐ và chi phí xử lý nước thải đều phù hợp với khả năng kinh tế của cụm khu công nghiệp. Trạm xử lý nước thải đi vào hoạt động mang ý nghĩa thực tiễn cao</p>
3	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải công nghiệp của hệ thống xử lý nước thải trạm 3.2 Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 và đề xuất biện pháp cải thiện	Trần Đình Hệ	ThS. Hồ Bích Liên	<p>Xác định quy trình xử lý, đánh giá hiệu quả xử lý, khảo sát hiệu quả, so sánh hiệu quả xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải trạm 3.2. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp khảo sát thực tế hiện trạng thu gom nước tại trạm 3.2 và phân tích các thông số ô nhiễm như COD, Màu, TSS và N-tổng để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải trạm 3.2. Kết quả khảo sát đánh giá cho thấy nước đầu vào hệ thống thu gom từ 32 công ty và khu dân cư ECOLAKE. Chỉ tiêu COD, TSS, Màu vượt so với QCVN 40:2011/BTNMT cột B. Chất lượng nước đầu ra tốt đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A tuy nhiên nồng độ các chất ô nhiễm còn cao. Hiệu suất xử lý COD của hệ thống cao 76,7%, hiệu suất xử lý COD qua hoá lý 41,6% và qua vi sinh hiếu khí 60%. Hiệu suất xử lý TSS của hệ thống cao 78,5%, hiệu suất xử lý TSS qua hoá lý 55,6% và qua vi sinh hiếu khí 51,6%. Hiệu suất xử lý Màu của hệ thống ở mức trung bình 65,8%, hiệu suất xử lý Màu qua hoá lý 45,5% và qua vi sinh hiếu khí 37,2%. Hiệu suất xử lý N-tổng của hệ thống ở mức trung bình 50,8%, hiệu suất xử lý N-tổng qua hoá lý 16,9% và qua vi sinh hiếu khí 40,8%. Từ kết quả trên, cho thấy có thể sử dụng kết quả nghiên cứu nhằm đánh giá và đề xuất biện pháp cải thiện phù hợp cho hệ thống xử lý nước thải trạm 3.2</p>
4	Đại học	Tính toán, thiết kế hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phân compost	Trần Trung Hiếu	ThS. Hồ Bích Liên	<p>Sự phát triển kinh tế nhanh của Bình Dương trong những năm gần đây dẫn đến sự gia tăng về chất thải rắn sinh hoạt. Chính vì vậy, tận dụng rác thải sinh hoạt để sản xuất phân compost là việc làm vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vừa tạo ra sản phẩm kinh tế cho công ty. Đề tài tính toán, thiết kế hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phân compost công suất</p>

		công suất 700 tấn/ngày tại Chi nhánh Xử lý chất thải Bình Dương			700 tấn/ngày được thực hiện tại Chi nhánh Xử lý chất thải Bình Dương dựa trên cơ sở thu thập được như sau: Khảo sát được đặc điểm thành phần, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt làm cơ sở tính toán với các thông số như sau: Khối lượng riêng của CTRSH tiếp nhận = 0.3 tấn/m <sup>3</sup> . Khối lượng riêng của CTRSH dùng để ủ phân compost = 0.7 tấn/m <sup>3</sup> . Tỷ lệ C/N = 18/1. Độ ẩm của CTRSH đem ủ phân compost = 70%. Khảo sát được quy trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phân compost tại Chi nhánh Xử lý chất thải Bình Dương, quy trình hoạt động theo 4 giai đoạn cơ bản là: Giai đoạn tiếp nhận và phân loại CTRSH. Giai đoạn ủ lên men phân compost. Giai đoạn ủ chín phân compost. Giai đoạn phân loại và thành phẩm. Tính toán thiết kế được hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt thành phân compost công suất 700 tấn/ngày tại Chi nhánh Xử lý chất thải Bình Dương đáp ứng được nhu cầu xử lý lượng chất thải rắn sinh hoạt ngày càng tăng. Bằng những phương pháp phổ biến như: phương pháp khảo sát thực địa, phân tích tổng hợp, nghiên cứu tính toán, đề tài đã xác định được các thông số thiết thực để làm cơ sở cho việc tăng công suất sản xuất hiện tại của công ty. Từ đó thiết kế một mô hình nền cho hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phân compost hiệu quả hơn. Với kết quả đề tài, tôi hy vọng sẽ giúp ích cho Chi nhánh Xử lý chất thải Bình Dương trong việc nâng cấp hệ thống hiện tại hoạt động hiệu quả hơn.
5	Đại học	Tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải trạm sửa chữa toa tàu lửa công suất 100m <sup>3</sup> /ngày đêm	Huỳnh Văn Hưng	TS. Đào Minh Trung	Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho Xí nghiệp toa tàu lửa công suất 100m <sup>3</sup> /ngày đêm. Nước thải đầu ra của trạm XLNT đạt QVCN 14: 2015 BTNMT (Cột B). Tổng quan về nước thải sinh hoạt cũng như các phương pháp xử lý. Xác định đặc tính nước thải: lưu lượng, thành phần, tính chất, nguồn xả thải. Đưa ra các phương án xử lý và lựa chọn phương án xử lý hiệu quả nhất để thiết kế hệ thống xử lý nước thải. Tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo sơ đồ công nghệ đã đề xuất chi tiết. Vẽ các công trình đơn vị hoàn chỉnh. Vẽ mặt cắt sơ đồ công nghệ (bao gồm cao độ công trình). Vẽ mặt bằng tổng thể trạm. Tìm hiểu những công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt trong các tài liệu chuyên ngành. Tìm hiểu những cách tính toán thiết kế cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Tìm hiểu những quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan đến hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. So sánh ưu điểm và nhược điểm của công nghệ xử lý hiện có và công nghệ xử lý đề xuất. Từ đó chọn ra công nghệ xử lý tốt nhất. Phân tích các số liệu về đầu vào của nguồn nước thải từ đó tìm ra các công nghệ xử lý. Sau đó từ các phương pháp đã chọn ta tiến hành phân tích và tìm ra phương pháp có hiệu suất xử lý cao nhất. Nêu ra được thành phần, tính chất của nước thải. Đưa ra các phương án xử lý và lựa chọn phương án tối ưu. Tính toán thiết kế và vẽ bản vẽ autocard cho hệ thống tối ưu. Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho Xí nghiệp toa tàu lửa công suất 100m <sup>3</sup> /ngày đêm.

6	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng nano than Maccadamia hoạt tính $K_2CO_3$ kết hợp sắt hóa trị zero để xử lý Zn(II) trong nước thải giả định	Trần Thị Phương Linh	TS. Đào Minh Trung	Hiện nay, ứng dụng vật liệu trong xử lý nước và nước thải ngày càng được chú trọng, trong đó sử dụng các loại phụ phẩm trong sản xuất công nghiệp, làm nguồn vật liệu chế xử lý nước thải ngày càng được chú trọng. Qua đó, ứng dụng than mắc ca xử lý kim loại nặng trong nước được tiến hành khảo sát khả năng xử lý kim loại Zn(II) từ than mắc ca được hoạt tính từ $K_2CO_3$ kết hợp với $Fe^0$ . Kết quả khảo sát cho thấy khả năng hấp phụ nước thải chứa kim loại Zn(II) tại điều kiện tối ưu pH = 4,5 với liều lượng thích hợp 1.4 (g/L) trong 80 phút hiệu suất đạt 89,78%. Kết quả nghiên cứu cho thấy Nano than mắc ca hoạt tính kết hợp nZVI hấp phụ ion Zn(II) trong nước, qua đó nghiên cứu có thể triển khai ứng dụng vào quy trình hóa lý trong kỹ thuật xử lý nước và nước thải.
7	Đại học	Tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho dự án chung cư Quang Phúc Plaza quy mô 1285 căn hộ tại phường Đông Hòa, Tp. Dĩ An của công ty cổ phần bất động sản Dĩ An, công suất $1300m^3$ /ngày.đêm	Nguyễn Minh Long	ThS. Trương Quốc Minh	Công nghệ đề xuất thiết kế trong báo cáo này là sử dụng công nghệ cơ học kết hợp sinh học. Quy trình xử lý gồm: nước thải → song chắn rác → bể thu gom kết hợp tách dầu → bể điều hòa → bể anoxic → bể aerotank → bể lắng đứng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận. Đã tính toán chi tiết từng công trình đơn vị, cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho dự án căn hộ khu chung cư Quang Phúc Plaza, gồm: bể thu gom kết hợp tách dầu: 5 x 4 x 3m, bể điều hòa: 13 x 11.3 x 3m, bể Anoxic: 11.6 x 9 x 3m, bể Aerotank: 12.5 x 10.5 x 3m, bể lắng đứng 7 x 7 x 7.07m, bể khử trùng: 3.1 x 2.5 x 4m, bể chứa bùn: 3.3 x 3.3 x 3m. Đã dự trù kinh phí cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho dự án căn hộ khu chung cư Quang Phúc Plaza, gồm: chi phí xây dựng: 3,124,572,000VNĐ, chi phí thiết bị: 470,730,00VNĐ, chi phí sử dụng điện: 1,068,000 VNĐ/ngày, chi phí nhân công: 600,000 VNĐ/ngày, chi phí sửa chữa bảo dưỡng: 197,002 VNĐ/ngày, chi phí hóa chất: 273,000 VNĐ/ngày, chi phí khấu hao: 492,507 VNĐ/ngày. Giá thành xử lý $1m^3$ nước thải là 2,023(VNĐ).
8	Đại học	Tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh của công ty TNHH Hải Ân, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương với công suất $1000m^3$ /ngày	Lê Thế Nhật	ThS. Trương Quốc Minh	Báo cáo này tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải thủy sản cho Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh của Công ty TNHH Hải Ân, Bình Dương công suất $1000 m^3$ /ngày yêu cầu cần có hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN:2011/BTNMT, cột B trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là rạch Ông Bô. Công nghệ đề xuất thiết kế trong báo cáo này là sử dụng công nghệ cơ học kết hợp sinh học. Ước tính các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải sau xử lý đạt như sau: $BOD_5 = 35.208 \text{ mg/l}$ , $COD = 63.532 \text{ mg/l}$ , $TSS = 57.6 \text{ mg/l}$ , Dầu mỡ = 20 mg/l, Tổng N = 42 mg/l, Tổng P = 4.5 mg/l, Coliform = 2300 MPN/100ml và đảm bảo nước thải đầu ra đạt yêu cầu cần xử lý đạt ra ban đầu. Hy vọng Công ty TNHH Hải Ân có thể dựa vào báo cáo này để lên ý tưởng xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho Nhà máy của Công ty.

9	Đại học	Nghiên cứu xây dựng phương trình hấp phụ đẳng nhiệt Langmuir từ than Maccadamia được hoạt hóa từ K <sub>2</sub> CO <sub>3</sub> để xử lý màu Methylene Orange	Cao Văn Mỹ Như	TS. Đào Minh Trung	<p>Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền công nghiệp nước ta, tình hình ô nhiễm môi trường cũng gia tăng đến mức báo động. Do đặc thù của nền công nghiệp mới phát triển, chưa có sự quy hoạch tổng thể và nhiều nguyên nhân khác nhau như: điều kiện kinh tế của nhiều xí nghiệp còn khó khăn hoặc do chi phí xử lý ảnh hưởng đến lợi nhuận nên hầu như chất thải công nghiệp của nhiều nhà máy chưa được xử lý mà thải thẳng ra môi trường. Từ đó, phương pháp xử lý nước thải bằng phương trình hấp phụ từ than Mắc ca được hoạt hóa từ K<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> đang được áp dụng rộng rãi do hiệu suất xử lý cao, vật liệu xử lý thân thiện với môi trường. Kết quả khảo sát than hoạt tính K<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> cho thấy ở điều kiện phù hợp tương ứng pH = 8 ,thời gian xử lý 240 phút và dung lượng hấp phụ vật liệu than nano than maccadamia được hoạt hóa từ K<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> để xử lý màu methylene orange tốt nhất đạt 92,17 % ở liều lượng 1 g/l. Và kết quả khảo sát than cốc cho thấy ở điều kiện phù hợp tương ứng pH = 7 ,thời gian xử lý 240 phút và dung lượng hấp phụ than cốc Mắc ca để xử lý màu methylene orange tốt nhất đạt 88,41 % ở liều lượng 2 g/l. Kết quả khảo sát cho thấy rằng vật liệu có thể ứng dụng vào để xây dựng phương trình đẳng nhiệt hấp phụ để xử lý nước.</p> <p>Từ kết quả khảo sát của than Mắc ca và than hoạt tính K<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> ta xây dựng được phương trình hấp phụ đẳng nhiệt</p> <p>Than cốc</p> $y_1 = 0.011 + 0.005x_1$ $R^2 = 0.737$ <p>Than hoạt tính</p> $y_2 = 0.01 + 0.01x_2$ $R^2 = 0.997$
10	Đại học	Tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy sản xuất bo mạch điện tử công suất 200m <sup>3</sup> /ngày đêm	Lâm Minh Nhựt	TS. Đào Minh Trung	<p>Để một nhà máy được đưa vào sử dụng thì các công trình cần hoàn thiện, hệ thống xử lý nước thải là một trong số đó. Cùng với lưu lượng xả thải của công ty thì hệ thống công suất là 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm phù hợp nhất. trong báo cáo này chúng tôi đã sử dụng các phương pháp và tài liệu nhằm tạo ra phương án tối ưu nhất cho hệ thống và lấy đó làm nền tảng cho việc tính toán và thiết kế hệ thống xử lý, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cột A(QCVN:14:2008/BTNMT).</p>

11	Đại học	Tính toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải trường Đại học công suất 150m <sup>3</sup> /ngày đêm	Nguyễn Văn Quý	TS. Đào Minh Trung	<p>Trong quá trình học tập và kinh nghiệm từ thực tập em thấy xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho trường đại học là hết sức cần và cần phổ biến rộng trên toàn quốc gia, để bảo vệ môi trường tránh khỏi ô nhiễm giúp cho đất nước phát triển một cách bền vững . Hệ thống XLNT cho trường đại học là sự kết hợp xử lý hóa lý và sinh học lơ lửng và thiết bị màng lọc MBR. Nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại A (QCVN:14:2008/BTNMT) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. với kết quả xử lý khá cao 98%TSS, 99%Coliform, 86-88%N, 85%P, 95%COD, 90%BOD5, 60%dầu mỡ và tiết được nhiều diện tích xây dựng vì thay thế cụm bể Aerotank, lắng, lọc bằng bể hiếu khí kết hợp màng MBR. Giá thành xây dựng hơn 2 tỷ VNĐ và chi phí xử lý 1m<sup>3</sup> nước thải đều phù hợp với khả năng kinh tế của các trường đại học hiện nay. Hệ thống xử lý nước thải cho trường đại học đi vào hoạt động mang ý nghĩa thực tiễn cao.</p>
12	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho trung tâm thương mại Điện Quang Việt Hoa, quy mô diện tích 28.238m <sup>2</sup> tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát công suất 100m <sup>3</sup> /ngày đêm	Nguyễn Châu Thành	ThS. Trương Quốc Minh	<p>Qua quá trình thực hiện Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho trung tâm thương mại Điện Quang Việt Hoa, quy mô diện tích 28.238m<sup>2</sup> tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm, thì các công trình đơn vị được thiết kế như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thải sinh hoạt tại trung tâm thương mại có đặc tính chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (COD=370 mg/L, BOD<sub>5</sub>=250 mg/l, SS=200mg/l). Do đó áp dụng phương pháp xử lý sinh học hiếu khí Aerotank kết hợp các phương pháp cơ học là phương án phù hợp và ưu điểm hơn.</li> <li>- Đề tài đã thực hiện tính toán các thông số các công trình của hệ thống xử lý nước thải. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lưu lượng trung bình ngày: 100m<sup>3</sup></li> <li>• Song chắn rác: Có dạng hình hộp chữ nhật, chiều dài mương L=1,5m; chiều rộng mương B=0,21m; chiều sâu mương H=0,45m; 8 thanh chắn rác.</li> <li>• Bể thu gom: Hình hộp chữ nhật có chiều dài bể L=2m; chiều rộng bể B=1,5; chiều sâu bể H=1,5; thể tích V<sub>t</sub> = 4,5m<sup>3</sup>.</li> <li>• Bể tách dầu mỡ: chiều dài bể L=1,4m; chiều rộng 0,8m; chiều sâu bể H=1,3m; thể tích V<sub>t</sub>=1,4m<sup>3</sup>.</li> <li>• Bể điều hòa: Hình hộp chữ nhật có chiều dài L=4m; chiều rộng B=2,5m; chiều sâu bể H=2,5m; thể tích V<sub>t</sub>=25m<sup>3</sup>.</li> <li>• Bể Aerotank: Chiều dài bể L=4,4m; chiều rộng B=3m; chiều sâu bể H=2,5m; thể tích V<sub>t</sub>=26,25m<sup>3</sup>.</li> </ul> </li> </ul>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bể lắng: hình trụ tròn có chiều cao bể H=2m; đường kính bể D=2,6m; thể tích <math>V_t=10,4m^3</math>.</li> <li>• Bể khử trùng: hình hộp chữ nhật có chiều dài L=1,6m; chiều rộng B=0,8m; chiều sâu bể H=1,5m, thể tích <math>V_t=1m^3</math>.</li> <li>• Bể nén bùn: hình trụ tròn có chiều cao bể H=1,8m, đường kính D=0,5m</li> </ul> <p>- Nước thải sinh hoạt tại khu trung tâm thương mại sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 14:2008 cột B với các thông số đầu ra: COD=100 (mg/l), BOD<sub>5</sub>=50 (mg/l), SS=100 (g/l). Ứng với hiệu quả xử lý: COD=73%, BOD<sub>5</sub>=85%, SS=50%.</p> <p>- Tổng chi phí xây dựng hệ thống xử lý nước thải đã tính toán sơ bộ với giá hiện hành là: 424.578.000 VNĐ, tương ứng 3.276.064 VNĐ/m<sup>3</sup>. Chi phí quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải là: 5202 VNĐ/m<sup>3</sup>. Các chi phí này là tương đối phù hợp. Điều này là cơ sở cho các nhà đầu tư quản lý giải quyết vấn đề xử lý nước thải sinh hoạt hiện nay, đặc biệt trong các dự án khu trung tâm thương mại, từ đó góp phần bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai</p>
13	Đại học	Khảo sát, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tại Chi nhánh nước thải Dĩ An và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý	Nguyễn Quang Tuấn	ThS.Trương Quốc Minh	Nghiên cứu được tiến hành tại Chi nhánh nước thải Dĩ An nhằm khảo sát, đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tại đây. Thời gian thực hiện chia làm hai đợt: đợt 01 từ ngày 01/10/2020 - 07/10/2020 và đợt 02 từ ngày 08/10/2020 - 14/10/2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình xử lý nước thải của hệ thống đạt hiệu quả cao, cụ thể hiệu suất xử lý trung bình của các chỉ tiêu lần lượt như sau: độ màu: 94,4 % , SS: 98,65 % , COD: 89,45 % , BOD <sub>5</sub> : 90 % , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> : 95,9 % , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> : 62,05%, Tổng N: 84,6 % , Tổng P: 88,65 % . Quá trình xử lý đạt hiệu quả cao nhất là khử trùng UV với hiệu suất xử lý thực tế lên đến 99%.
14	Đại học	Khảo sát, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp tổng hợp quản lý thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung Trạm 3.1 của	Nguyễn Trương Phương Uyên	ThS.Trương Quốc Minh	Khảo sát, đánh giá được hiện trạng thu gom nước thải, chất thải rắn tại nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 trạm 3.1 và đề xuất biện pháp nâng cao công tác quản lý thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn và Đề xuất giải pháp nâng cao công tác quản lý thu gom, xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung trạm 3.1. Trong báo cáo này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp khảo sát thực tế hiện trạng thu gom nước tại trạm 3.1 và phân tích các thông số ô nhiễm như COD, Màu, TSS, N-tổng để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải trạm 3.1. Kết quả khảo sát đánh giá cho thấy nước đầu vào hệ thống thu gom từ 134 công ty và khu dân cư COD, TSS, Màu vượt so với QCVN 40:2011/BTNMT cột B. Chất lượng nước đầu ra tốt đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A tuy nhiên nồng độ các chất ô nhiễm còn cao. Hiệu suất xử lý COD của hệ thống cao 91.1%, hiệu suất xử lý COD qua hoá lý

		khu công nghiệp Mỹ Phước 3			61.4% và qua vi sinh hiếu khí 76.2%. Hiệu suất xử lý TSS của hệ thống cao 92.7%, hiệu suất xử lý TSS qua hoá lý 72.6% và qua vi sinh hiếu khí 67.4%. Hiệu suất xử lý Màu của hệ thống ở mức trung bình 67.2%, hiệu suất xử lý Màu qua hoá lý 46.2% và qua vi sinh hiếu khí 34%. Hiệu suất xử lý N-tổng của hệ thống ở mức trung bình 60.2%, hiệu suất xử lý N-tổng qua hoá lý 15.3% và qua vi sinh 53.1%. Qua quá trình đánh giá thu gom, xử lý nước thải trạm 3.1 cho thấy việc thu gom xử lý nước thải đang hoạt động tốt tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại Để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải và chất thải rắn trạm 3.1 cần quan tâm các vấn đề sau: Kiểm soát chất lượng nước đầu vào pH, COD, N-tổng, độ màu bằng cách đo mẫu thường xuyên.
15	Đại học	Đánh giá rủi ro sức khỏe do nhiệt tại tỉnh Bình Dương	Lê Nguyễn Hoài An	ThS. Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	Nhiệt độ là yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến sức khỏe của người lao động ngoài trời. Đề tài đã tiến hành đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ thông qua chỉ số nhiệt HI đến sức khỏe của người lao động ngoài trời tại tỉnh Bình Dương trong năm 2020 thông qua công cụ nội suy. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, chỉ số nhiệt tại tỉnh Bình Dương năm 2020 dao động trong khoảng 34 – 61oC, giá trị rất cao thuộc cấp độ nguy hiểm III và IV chủ yếu. Vào tháng 6 và tháng 11 tỉnh Bình Dương thuộc cấp độ IV – cực kỳ nguy cấp trên toàn vùng, trong khoảng thời gian này người tiếp xúc với nhiệt rất thường say nóng với phổi nhiễm nhiệt kéo dài. Vì vậy, người lao động cùng cơ quan quản lý và công ty cần phải có các biện pháp bảo vệ sức khỏe người lao động khi làm việc ngoài trời vào khoảng thời gian có nhiệt độ cao. Đề tài đã thành lập được bản đồ nội suy chỉ số nhiệt tại tỉnh Bình Dương cho các tháng năm 2020 và bản đồ phân loại mức độ nguy hiểm theo chỉ số nhiệt tại tỉnh Bình Dương theo các tháng năm 2020. Từ đây tạo được cơ sở cho các nhà quản lý để xây dựng kế hoạch bảo vệ sức khỏe cho người lao động thuộc các ngành nghề làm việc ngoài trời trong thời gian dài như xây dựng, vận chuyển,...
16	Đại học	Đánh giá rủi ro môi trường đối với người lao động tại công ty Phương Thanh Sang tỉnh Bình Dương	Phạm Đức Anh	PGS.TS. Chế Đình Lý	Đánh giá rủi ro sức khỏe và đưa ra giải pháp giảm thiểu rủi ro sức khỏe đối với người lao động ngành chế biến gỗ tại công ty TNHH Phương Thanh Sang tỉnh Bình Dương. Tìm hiểu về ngành chế biến gỗ và hiện trạng môi trường lao động ngành gỗ tại Bình Dương và công ty TNHH Phương Thanh Sang. Khảo sát, nhận diện mối nguy hại và phân tích mô hình phơi nhiễm trong công ty gỗ Phương Thanh Sang. Tham khảo tài liệu kết hợp khảo sát thực địa để ước lượng rủi ro tại công ty gỗ Phương Thanh Sang. Dựa vào kết quả nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý rủi ro giảm thiểu tác hại các mối nguy hại trong môi trường lao động trong ngành chế biến gỗ đến sức khỏe công nhân.



17	Đại học	Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giày dép, tấm film TPU công suất 300 tấn/năm, tấm film EVA công suất 600 tấn/năm	Phạm Thị Lan Anh	ThS. Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	Đề tài Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giày dép, tấm film TPU công suất 300 tấn/năm, tấm film EVA công suất 600 tấn/năm”. Nhằm đánh giá hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, dự báo tác động môi trường của dự án khi vào thực hiện và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường. Đề tài tập trung nghiên cứu và đánh giá hiện trạng môi trường của khu vực và khi thực hiện dự án. Nhằm lập kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án.
18	Đại học	Xây dựng kế hoạch quản lý an toàn sức khỏe môi trường trong sản xuất ghế sofa tại công ty TNHH thương mại Nhân Hoàng	Nguyễn Thị Anh Đô	PGS.TS. Chế Đình Lý	<p>           Tìm hiểu quy trình hoạt động sản xuất tại Công Ty TNHH Thương Mại Nhân Hoàng. Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến sức khỏe môi trường. Xây dựng kế hoạch quản lý sức khỏe môi trường và đề xuất biện pháp quản lý tại Công Ty TNHH Thương Mại Nhân Hoàng. Đánh giá rủi ro phơi nhiễm hóa chất trong nhà máy. Quản lý đánh giá rủi ro môi trường cho công nhân tại nhà máy. Dựa vào những quá trình khảo sát thu thập thông tin liên quan đến quá trình sản xuất ta có được các mối nguy hại và các sự cố cần ưu tiên quản lý lần lượt là: Sự cố hóa chất, sự cố cơ học (máy móc), sự cố tiếng ồn, sự cố cháy nổ và sự cố môi trường. Nhờ các công cụ phân tích tìm ra nguyên nhân nguy hại có thể dẫn đến các sự cố gây nguy hiểm cho công nhân nói riêng và doanh nghiệp sản xuất nói chung. Ngoài ra, từ kết quả tính toán mức độ phơi nhiễm hóa chất trong quá trình làm việc và sơ đồ ma trận phân tích khía cạnh môi trường CEM cũng góp phần nhận biết các mối nguy hại tiềm ẩn trong phân xưởng, công đoạn của công ty. Từ đó, đưa ra các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa để quản lý an toàn sức khỏe môi trường tại nơi làm việc. Vì vậy cần phải có kế hoạch quản lý HSE tại nhà máy để phân tích nguyên nhân cũng như đưa ra giải pháp để khắc phục những sự cố đó. Ngoài ra, khắc phục được những sự cố môi trường từ quá trình hoạt động của cơ sở.         </p>
19	Đại học	Kiểm toán áp lực môi trường ngành công nghiệp và nông nghiệp tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2017 và kiến nghị các giải pháp tiên tiến tới phát triển bền vững	Bùi Thái Quỳnh Giang	PGS.TS. Chế Đình Lý	<p>           Tỉnh Bình Dương là một trong các tỉnh thành có nền kinh tế công nghiệp phát triển về mặt nông nghiệp và công nghiệp, nhưng công nghiệp vẫn chiếm ưu thế. Tuy nhiên, sản xuất công, nông nghiệp gây ra ô nhiễm môi trường. Vì vậy, để đánh giá sự phát triển kinh tế tác động đến môi trường, báo cáo sử dụng phương pháp tính toán theo QĐ 88/QĐ-UBND là chủ yếu để kiểm kê áp lực môi trường. Đồng thời, hạn chế các ngành công nghiệp gây ô nhiễm cho con người và môi trường, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm. Mục tiêu đặt ra cho báo cáo là: Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương, làm cơ sở để kiểm kê các tải lượng chất thải, tính toán kiểm kê tải lượng chất thải ngành công nghiệp, ngành nông nghiệp trong giai đoạn từ 2013 – 2017. Đối tượng là các chất thải ngành         </p>

					nông nghiệp và công nghiệp tỉnh BìnhDương. Bằng các phương pháp như: thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, thống kê và tính toán lưu lượng phát thải ra môi trường. Từ đó, lấy cơ sở đề xuất giải pháp giảm thiểu áp lực và thu hút vốn đầu tư, hướng đến phát triển bền vững.
20	Đại học	Đánh giá rủi ro sinh thái ô nhiễm hữu cơ trong nước thải các KCN trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Trần Công Hậu	ThS. Nguyễn Hiền Thân	Thành phố Biên Hòa là thành phố thuộc tỉnh Đồng Nai nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Hiện thành phố Biên Hòa có 6 KCN đang hoạt động với lưu lượng nước thải hằng ngày lớn gây ra những rủi ro về môi trường đặc biệt là từ ô nhiễm hữu cơ. Nghiên cứu thực hiện đánh giá hiện trạng thu gom và xử lý nước thải các KCN hoạt động trên địa bàn thành phố Biên Hòa và rủi ro môi trường từ ô nhiễm hữu cơ hiện diện trong nước thải bằng phương pháp chỉ số rủi ro Nemerow cải tiến và hệ thống thông tin địa lý (GIS). Kết quả cho thấy ở các KCN đều có mức ô nhiễm hữu cơ chủ yếu là N-tổng, P-tổng, Amoni. Mức độ rủi ro môi trường từ ô nhiễm hữu cơ ghi nhận mức độ rủi ro thấp đến rủi ro nghiêm trọng, được xếp theo thứ tự giảm dần: KCN Agtex Long Bình (P =24,4) > KCN Amata (P=16) > KCN Biên Hòa (P=10,2), > KCN Tam Phước (P= 5,1) > KCN Loteco (P= 2,7). KCN Kết quả của nghiên cứu đã cung cấp những thông tin cho việc quản lý cũng như nâng cao chất lượng xử lý nước thải tại các khu xử lý nước thải công nghiệp tập trung của các KCN trên địa bàn thành phố Biên Hòa.
21	Đại học	Hiện trạng xử lý nước cấp và ứng phó sự cố của công ty cấp nước Dĩ An	Đào Việt Hoàng	ThS. Lê Thị Đào	Đề tài “Hiện trạng xử lý nước cấp và ứng phó sự cố của công ty cấp nước chi nhánh Dĩ An” được thực hiện nhằm mang lại những kinh nghiệm thực tế trong quá trình vận hành nhà máy hoạt động. Trong quá trình tìm và nghiên cứu, thu thập dữ liệu mang lại kỹ năng, kinh nghiệm,... để đưa ra các biện pháp phòng chống sự cố trong quá trình vận hành và các biện pháp nghiệp vụ để ứng cứu, đối phó với tình huống xấu xảy ra tại nhằm hạn chế tối đa sự cố xảy ra cho nhà máy trong quá trình vận hành. Có thể thấy những rủi ro trong quá trình vận hành là không thể tránh khỏi, những sự cố có ở mọi nơi trong nhà máy, đòi hỏi các nhân viên cần cảnh giác để đề phòng sự cố trước khi nó xảy ra, những yếu tố ảnh hưởng bên ngoài như nguồn nước, nhiệt độ, không khí làm ảnh hưởng tới chất lượng nước trước khi đưa vào xử lý, vì vậy cần có những biện pháp kịp thời cùng với các cơ quan chức năng phối hợp cần thiết. Không những bên ngoài, những sự cố ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động như các thiết bị, hóa chất, yếu tố tâm lí,..cũng là những nguyên nhân gây nguy hiểm cho sức khỏe mọi người. Bài báo cáo nhằm đưa ra những mối nguy có thể xảy ra trong quá trình vận hành và những biện pháp cần thiết để phòng tránh và hạn chế tối đa những thiệt hại có thể gây ra. Từ những kiến thức đã được học tại trường và kinh nghiệm thực tế mang lại trong suốt quá trình thực hiện đề tài là tư liệu, hành trang, tiền đề quan trọng để bản thân tự tin hơn khi đi làm thực tế.

22	Đại học	Xây dựng kế hoạch quản lý an toàn lao động tại công ty may Việt Tiến	Nguyễn Huỳnh Đức Huy	ThS. Lê Thị Đào	Trong quá trình đi thực tập tại Công ty Cổ phần may Việt Tiến- Xí nghiệp may Việt Long, được tiếp xúc thực tế với bộ phận đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và có được cái nhìn tổng quan hơn với bộ phận. Qua đó, em đã thấy rõ được công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động hết sức quan trọng quyết định năng suất, chất lượng của công ty, là yếu tố hàng đầu để thu hút khách hàng. Em đã có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với môi trường làm việc, tiếp xúc công nghệ cũng như trang thiết bị máy móc hiện đại. Từ đó giúp em hiểu rõ hơn quy trình đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và tác phong làm việc công nghiệp. Cũng với thời gian ngắn ngủi đó, em đã học hỏi được rất nhiều điều đặc biệt là tác phong công nghiệp trong công ty. Tất cả mọi việc đều phải được thực hiện một cách nhanh gọn và chính xác, tác phong công nghiệp là một điều cần thiết cho một công - nhân viên làm việc trong môi trường sản xuất. Tất cả mọi công việc, mọi quá trình đều phải tuân theo một trật tự với quy trình đã được đề ra
23	Đại học	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp lưu trữ hóa chất tại công ty Poly-Poxy Coatings Việt Nam	Nguyễn Thị Bích Liễu	ThS. Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	Tóm tắt bài báo cáo tốt nghiệp với tên đề tài đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp lưu trữ hoá chất tại công ty Poly Poxy Coatings Việt Nam. Nội dung nghiên cứu bao gồm đánh giá hiện trạng lưu trữ hoá chất và đề xuất giải pháp lưu trữ hoá chất cho phù hợp cho công ty. Mục đích nghiên cứu giúp công ty nâng cao được tầm quan trọng của việc lưu trữ hoá chất. Đánh giá được những hiện trạng có trong nhà kho hoá chất và ứng dụng những giải pháp phù hợp tiết kiệm thời gian cho công ty và công nhân viên. Kết quả cho thấy với việc thực hiện những giải pháp trên giúp quá trình lưu trữ hóa chất của Công ty sẽ giảm bớt những rủi ro có thể xảy ra, góp phần bảo vệ sức khỏe cho công nhân, an toàn cho tài sản và chất lượng môi trường.
24	Đại học	Đánh giá rủi ro ô nhiễm hữu cơ từ nước thải các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai	Huỳnh Thị Tuyết Mai	ThS. Nguyễn Hiền Thân	Dựa trên tình hình đất nước đã và đang trên đà phát triển theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Việc các nhà máy KCN ngày càng nhiều do đó vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng là vấn đề đáng chú ý. Như sự phát triển của các KCN tại địa bàn huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai gây ra ô nhiễm hữu cơ từ nước thải các KCN cũng là một phần áp lực lớn đối với môi trường.  Theo kết quả nghiên cứu thực hiện đánh giá ô nhiễm môi trường từ hữu cơ của cá khu công nghiệp bằng phương pháp ứng dụng chỉ số nemerow và AHP, qua 12 đợt lấy mẫu tại các vị trí lấy mẫu cho thấy các thông số vượt ngưỡng cho phép xả thải của QCVN 40:2011/BTNMT. Nhìn chung các KCN đều tiềm ẩn rủi ro cao đến môi trường. Do đó có thể gây ảnh hưởng đến những nguồn tiếp nhận xả thải từ các KCN đến kênh rạch là không nhỏ.

					<p>Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cho thấy phương pháp đánh giá ô nhiễm hữu cơ từ nước thải tại các KCN bằng chỉ số Nemerow và phương pháp AHP là tốt cho việc thực hiện đánh giá ô nhiễm hữu cơ từ nước thải KCN.</p> <p>Kết quả cho thấy ở các KCN đều có mức ô nhiễm hữu cơ chủ yếu là N-tổng, P-tổng, Amoni. Mức độ rủi ro môi trường từ ô nhiễm hữu cơ ghi nhận mức độ rủi ro thấp đến rủi ro nghiêm trọng: dệt may Nhơn Trạch (P=4.9), Nhơn Trạch 1 (P=4.8), Nhơn Trạch 2 (P=4.0), Nhơn Trạch 2 giai đoạn 1 (P=5.8), Nhơn Trạch 2 Lộc Khang (P=9.8), Nhơn Trạch 2 Nhơn Phú (P=1.6), Nhơn Trạch 3 giai đoạn 1 (P=8.6), Nhơn Trạch 3 giai đoạn 2 (P=8.8), Nhơn Trạch 5 (P=6.0), Nhơn Trạch 6A (P=4.3). Trong đó cao nhất là khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 Lộc Khang với chỉ số (P=9.8), tiếp là 2 khu công nghiệp Nhơn Trạch 3 giai đoạn 1 (P=8.6) và Nhơn Trạch 3 giai đoạn 2 (P=8.8), thấp nhất là Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 Nhơn Phú (P=1.6). Tại đây nước thải sau xử lý sẽ đổ vào suối Cạn – rạch Cái Sinh – Sông Ba Doi – Sông Gò Gia – Sông Thị Vải nằm ở vị trí tỉnh Đồng Nai nên hầu hết mọi tác động ô nhiễm người dân sống tại khu vực huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai là chịu không ít ảnh hưởng cũng như các khu vực lân cận không thoát khỏi. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cung cấp đề xuất một số giải pháp góp phần giảm thiểu và hạn chế tác động của nước thải công nghiệp đến môi trường và nguồn tác động</p>
25	Đại học	Đánh giá hiện trạng an toàn và tác động đến sức khỏe người lao động tại công ty TNHH Ngọc Diệp	Nguyễn Thị Thanh Mai	PGS.TS. Chế Đình Lý	<p>Mục tiêu của luận văn là đánh giá rủi ro sức khỏe và đưa ra giải pháp giảm thiểu rủi ro sức khỏe đối với người lao động ngành chế biến gỗ tại công ty Ngọc Diệp, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Nhận diện môi nguy hại ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động công ty gỗ Ngọc Diệp; đánh giá hậu quả, ước lượng và mô tả rủi ro tại công ty Ngọc Diệp và đề xuất giải pháp quản lý rủi ro tại công ty Ngọc Diệp. Kết quả cho thấy môi trường lao động ngành gỗ tỉnh Bình Dương còn ô nhiễm các yếu tố hơi dung môi, tiếng ồn, bụi gỗ. Qua nghiên cứu, đã nhận diện được các môi nguy hại từ ngành gỗ gồm 3 nhóm: cháy nổ, vật lý, hóa học. Đánh giá rủi ro sơ bộ cho thấy tiếng ồn bộ phận máy móc, bộ phận quét keo, cháy nổ tại các bộ phận có mức rủi ro cao, bụi bộ phận chà nhám có mức rủi ro cao, và tiếng ồn có mức rủi ro trung bình. Luận văn đã đề xuất một số giải pháp giảm thiểu rủi ro về mặt quản lý, kỹ thuật, bảo hộ lao động và y tế chung cho công ty và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro cụ thể với từng yếu tố rủi ro như hóa chất, tiếng ồn, bụi, cháy nổ, đưa ra kế hoạch ứng phó khi gặp sự cố rủi ro về hóa chất, cháy nổ.</p>
26	Đại học	Đánh giá rủi ro quá trình xử lý nước cấp	Nguyễn Thị Bảo Ngân	ThS. Nguyễn	<p>Bài báo cáo này là kết quả nghiên cứu và khảo sát hiện trạng thực tế quá trình xử lý nước cấp tại Chi nhánh Cấp Nước Dĩ An. Trong bài báo cáo viết về quy trình xử lý nước và các môi nguy có thể xảy ra trong quy trình đó, từ đó đưa ra những ưu điểm, hạn chế để đề xuất giải</p>

		tại Chi nhánh Cấp Nước Dĩ An		Huỳnh Ánh Tuyết	pháp quản lý góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển hơn trong tương lai. Kết hợp với các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp thu thập số liệu, phương pháp bảng liệt kê trong nhận diện mối nguy hại, phương pháp đánh giá rủi ro,... chúng ta đã xác định được các rủi ro xảy ra trong quá trình xử lý nước cấp tại Chi nhánh, đồng thời đưa ra được các giải pháp giảm thiểu tai nạn về con người, tài sản, môi trường tại đây. Với việc thực hiện các giải pháp đã được nêu trong bài báo cáo sẽ giúp cho quá trình xử lý nước cấp giảm bớt được những rủi ro có thể xảy ra, góp phần vào bảo vệ sức khỏe cho người lao động, an toàn cho tài sản và nâng cao chất lượng môi trường tại Chi nhánh.
27	Đại học	Đánh giá thực trạng an toàn vệ sinh lao động và rủi ro lao động tại Công ty TNHH Kỹ thuật cơ điện Khôi Việt Phát	Nguyễn Thị Thanh Ngân	ThS. Hồ Bích Liên	Môi trường là vấn đề có tính liên ngành, lên vùng và toàn cầu. Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá rủi ro các sự cố của việc lắp đặt hệ thống điện, hệ thống máy điều hòa, hệ thống cấp thoát nước tại Công ty TNHH Kỹ thuật cơ điện Khôi Việt Phát, xác định các tác nhân gây rủi ro, mức độ nguy hiểm, tần suất rủi ro của các mối nguy đối với người lao động. Trong quá trình thi công luôn tiềm ẩn những rủi ro nguy hiểm có ảnh hưởng trực tiếp cũng như gián tiếp đến sức khỏe của công nhân làm việc do đó đề tài đánh giá được thực trạng an toàn và rủi ro sức khỏe khi làm việc. Sau khi khảo sát và đánh giá rủi ro cho thấy Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện Khôi Việt Phát vẫn còn tồn tại một số rủi ro từ đó đề tài đề xuất các giải pháp để cải thiện, ngăn ngừa, giảm thiểu, khắc phục và duy trì mức độ an toàn lao động cho công nhân tại Công ty nhằm trách các rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
28	Đại học	Xây dựng kế hoạch quản lý an toàn sức khỏe môi trường cho Công ty TNHH Phương Thanh Sang	Nguyễn Nhật Quỳnh Như	PGS.TS. Chế Đình Lý	Báo cáo trình bày toàn bộ nội dung của đề tài “Xây Dựng Kế Hoạch Quản Lý An toàn Sức Khỏe Môi Trường Cho Công Ty Tnhh Phương Thanh Sang”. Bài báo cáo trình bày bảng kế hoạch quản lý an toàn sức khỏe môi trường cho Công ty TNHH Phương Thanh Sang. Bảng kế hoạch đã xác định được các mối nguy hại và sự cố có thể xảy ra tại Công ty, đánh giá rủi ro sơ bộ cho các mối nguy và đã xác định được những mối nguy hàng đầu có thể dẫn đến thiệt hại nặng cho Công ty đó là mối nguy do máy móc, do bụi gỗ bụi sơn và sự cố cháy nổ cần được quan tâm. Đồng thời kế hoạch đã xác định được các nguyên nhân của sự cố và từ đó xây dựng được các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu đến mức thấp nhất một khi sự cố xảy ra. Kế hoạch đánh giá chất lượng không khí tại nơi làm việc, nêu hiện trạng sử dụng chất Formaldehyde và các tác hại của chúng đến người lao động chất. Đối với môi trường kế hoạch đã đánh giá bằng phương pháp ma trận tác động và xác định được khía cạnh môi trường quan trọng. Đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu giảm thiểu môi trường cho các khía cạnh quan trọng, cùng kế hoạch phân công cụ thể. Thay mặt bộ phận HSE mong nhận được sự hợp tác

					của các phân xưởng và sự hỗ trợ từ ban giám đốc để giảm tai nạn lao động, tăng hiệu quả của Công ty.
29	Đại học	Đánh giá rủi ro ô nhiễm vi sinh từ nước thải các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Đoàn Ngọc Kiều Nữ	ThS. Nguyễn Hiền Thân	Tỉnh Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp hóa của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nhiều khu công nghiệp đã và đang đi vào hoạt động, trong đó TP. Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch và Long Thành tập trung nhiều khu công nghiệp và lượng nước thải phát sinh hằng ngày rất lớn gây ảnh hưởng đến môi trường từ ô nhiễm vi sinh (Coliform). Bài luận văn thực hiện nhằm đánh giá rủi ro môi trường và sức khỏe từ nước thải các khu công nghiệp tại TP. Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch và huyện Long Thành bằng phương pháp đánh giá rủi ro môi trường(RQ), chỉ số rủi ro sức khỏe (HQ) và hệ thống thông tin địa lí (GIS). Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng nhiều hệ thống xử lý nước thải có thông số coliform vượt quy chuẩn cao như: khu công nghiệp Tam Phước, khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, khu công nghiệp Loteco, khu công nghiệp Nhơn Trạch 2. Từ đó, nghiên cứu đã thực hiện xác định chỉ số RQ cho các khu công nghiệp, kết quả thu được mức độ ô nhiễm từ cao đến rất cao khu công nghiệp Tam Phước (40), khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn (18,6), khu công nghiệp Loteco(3,16), khu công nghiệp Nhơn Trạch 2(2,65). Chỉ số HQ cho thấy phần lớn các HQ đều nằm trong khoảng giá trị $0 < HQ \leq 1$ (tương ứng với mức không có rủi ro đến có khả năng có rủi ro đáng kể). Tuy nhiên trong tại khu công nghiệp Long Đức có giá trị HQ tương đối cao (trẻ em dưới 1 tuổi có HQ = 4,63), có khả năng gây ra ảnh hưởng đến sức khỏe là rất lớn. Kết quả nghiên cứu của đề tài cung cấp thông tin cần thiết cho nâng cao hiệu quả xử lý nước thải ở các khu công nghiệp tập trung và triển khai các biện pháp ngăn ngừa tác động sức khỏe đến người dân.
30	Đại học	Đánh giá hiện trạng rủi ro và an toàn lao động tại nhà máy cấp nước Dĩ An	Nguyễn Trọng Phúc	ThS. Lê Thị Đào	Những năm gần đây, công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động đã đạt được những hiệu quả nhất định. Tuy nhiên, theo báo cáo thì vấn đề này vẫn còn tiềm ẩn một số hạn chế do công tác huấn luyện, đào tạo kỹ năng an toàn lao động chưa được quan tâm đúng mực ở cơ sở, đơn vị sản xuất, doanh nghiệp. Do đó người lao động vẫn chưa có ý thức cao trong việc giữ gìn an toàn cho mình và cộng đồng. Đối với doanh nghiệp, bảo đảm an toàn cho người lao động sẽ giúp cắt giảm tối đa các chi phí do tai nạn gây ra. Không những vậy, xét về mặt vĩ mô, công tác an toàn, vệ sinh lao động được thực hiện chặt chẽ, nghiêm ngặt, góp phần tạo được niềm tin và uy tín thương hiệu đối với người lao động cũng như công chúng cho doanh nghiệp. Qua việc đánh giá hiện trạng rủi ro, xác định nhận dạng mối nguy góp phần quan trọng trong việc xây dựng hệ thống an toàn lao động trong công tác vận hành hệ thống xử lý nước cấp của nhà máy. Từ kết quả nghiên cứu đề tài đề xuất các giải pháp phòng ngừa giảm thiểu, góp phần kiểm soát rủi ro dẫn đến tai nạn cho người lao động và môi trường

31	Đại học	Đánh giá hiện trạng môi trường lao động tại công ty TNHH Camoplast Solideal Việt Nam	Cổ Minh Quang	ThS. Lê Thị Đào	<p>Mục đích của bài báo cáo này là để đánh giá về hiện trạng môi trường xung quanh, môi trường làm việc và vấn đề an toàn lao động của của công nhân viên trong Nhà máy sản xuất lốp xe Công ty TNHH Camoplast Solideal Việt Nam. Môi trường lao động ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe của công nhân viên làm việc trong đó, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của công nhân viên, chất lượng và số lượng sản phẩm của Công ty. Yếu tố an toàn lao động là yếu tố song hành cùng hoạt động lao động sản xuất của con người, dù họ là ai, ở địa vị xã hội như thế nào và khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động với mục tiêu bảo đảm an toàn cho người tham gia lao động, tránh khỏi yếu tố có hại phát sinh trong quá trình sản xuất, đảm bảo sức khỏe cho người lao động, tạo môi trường làm việc thuận lợi, góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, thúc đẩy phát triển kinh tế gia đình, doanh nghiệp, xã hội. Đánh giá môi trường lao động tại Nhà máy sản xuất của Công ty Camoplast Solideal là đưa ra những nhận xét và khuyến nghị giải pháp về công tác vệ sinh môi trường làm việc và quản lý an toàn lao động của Công ty sản xuất lốp xe Camoplast Solideal Việt Nam.</p>
32	Đại học	Đề xuất giải pháp quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động tại công ty Poly-Poxy Coatings Việt Nam	Trương Thụy Minh Tâm	ThS. Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	<p>Xác định mối nguy hại và sự cố trong quá trình hoạt động tại công ty Poly-Poxy; Đánh giá rủi ro trong quá trình hoạt động của công ty Poly-Poxy; Đề xuất giải pháp quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động tại công ty Poly-Poxy. Nội dung của đề tài nghiên cứu về: Đánh giá rủi ro an toàn sức khỏe môi trường trong quá trình hoạt động tại công ty; Nhận diện mối nguy hại cho an toàn sức khỏe môi trường; Phân tích nguy cơ ước lượng tần suất xảy ra, hậu quả xảy ra cho an toàn, sức khỏe, môi trường; Đánh giá rủi ro cho từng mối nguy hại; Đề xuất giải pháp quản lý rủi ro. Trong quá trình hoạt động của công ty có nhiều mối nguy hại liên quan đến sức khỏe, an toàn và môi trường. Các mối nguy này ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của công ty và gây ra các hậu quả nặng hoặc nhẹ lên sức khỏe của người lao động, gây thiệt hại cho công ty. Qua phương pháp đánh giá rủi ro, kết quả của việc phân tích nguy cơ ước lượng khả năng xảy ra và ước lượng hậu quả cho an toàn, sức khỏe, môi trường, dựa trên tần suất, hậu quả của từng mối nguy hại, có thể đánh giá được rủi ro xảy ra của từng mối nguy hại. Từ đó có thể đưa ra những giải pháp giúp giảm được những rủi ro. Ngoài các giải pháp kỹ thuật đã được công ty Poly-Poxy áp dụng, các giải pháp chủ yếu mang tính chất làm giảm nhẹ các rủi ro gây ra cho an toàn, sức khỏe và môi trường. Công ty nên thực hiện bổ sung các biện pháp hỗ trợ khác để góp phần hạn chế những rủi ro xảy ra. Bên cạnh các tác động tích cực, hoạt động của công ty sẽ gây các tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường đất, nước, không khí. Tuy nhiên, như đã trình bày trong bài báo cáo, các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường là không lớn. Như vậy, nhìn chung hoạt động của công ty mang</p>

					lại nhiều lợi ích khá lớn cho xã hội và nền kinh tế địa phương. So với những lợi ích mà nó mang lại, thì những tác động xấu đến môi trường là không đáng kể.
33	Đại học	Kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án sản xuất hàng mộc gia dụng và gia công cơ khí	Lương Hồng Thắm	ThS. Nguyễn Huỳnh Ánh Tuyết	Đồ án này tính toán thiết kế các nguồn ảnh hưởng đến môi trường của dự án sản xuất hàng mộc gia dụng và gia công cơ khí của hộ kinh doanh Bàn Mỹ Nhi với nguyên liệu đầu vào được dùng là gỗ phôi với tỷ trọng trung bình của gỗ phôi là 0,65 tấn/m <sup>3</sup> . Với các chỉ tiêu ô nhiễm như nồng độ bụi kim loại phát sinh (0,24 mg/m <sup>3</sup> ), tải lượng bụi phát sinh từ các quá trình như chà nhám (0,204 kg/ngày), tạo dáng sản phẩm (0,11 kg/ngày), sơ chế gỗ (0,041kg/ngày), ô nhiễm về chất thải nguy hại (522,18 kg/năm), ô nhiễm tiếng ồn và sự cố khi lao động. Ngoài ra trong quá trình sản xuất còn phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất và quá trình sinh hoạt, do đó hộ kinh doanh cần có quy trình xử lý nước thải hợp lý theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Nghiên cứu này có thể sẽ đóng góp một phần nhỏ trong việc giải quyết những khó khăn của hộ kinh doanh trong việc phòng tránh việc ô nhiễm. Cuối cùng, một số gợi ý đã được đưa ra sẽ giúp giải quyết những vấn đề này và nâng cao hiệu quả thực hiện phòng tránh ô nhiễm để đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng.
34	Đại học	Đánh giá nhận thức về tác hại đối với môi trường của chất thải nhựa, cách xử lý chất thải nhựa của người dân ở khu dân cư và đề xuất biện pháp hiệu quả trong xử lý chất thải nhựa	Phạm Thị Ngọc Thịnh	ThS. Hồ Bích Liên	Đề tài “Đánh giá nhận thức về tác hại đối với môi trường của chất thải nhựa, cách xử lý chất thải nhựa của người dân ở khu dân cư và đề xuất biện pháp hiệu quả trong xử lý chất thải nhựa” được nghiên cứu khảo sát trên địa bàn Thị xã Tân Uyên và thành phố Thủ Dầu Một từ đó đưa ra được cái nhìn tổng quan về tình hình ô nhiễm rác thải nhựa tại địa phương và ý thức của người dân trong vấn đề giảm thiểu rác thải nhựa. Từ những khảo sát thực tế đưa ra được những giải pháp hiệu quả, phù hợp để ngăn ngừa giảm thiểu ô nhiễm nhựa trên địa bàn. Đề tài được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 09/2020 đến tháng 11/2020, tìm hiểu được tình hình sử dụng rác thải nhựa tại địa phương, nhận thức của người dân về tác hại của rác thải nhựa đối với sức khỏe và môi trường, các hoạt động giảm thiểu rác thải tại địa phương do người dân tổ chức. Qua khảo sát đã thu thập được những số liệu cho thấy lượng đồ nhựa sử dụng hằng ngày của người dân xuất phát từ các cửa hàng tạp hóa, quán ăn. Đa số người dân có tái sử dụng lại đồ nhựa nhưng không thường xuyên, chiếm phần lớn số người trả lời khảo sát đều nhận thức được những tác động xấu của ô nhiễm nhựa, người dân trên địa bàn cũng có ý thức cao trong việc thực hiện những hoạt động để giảm lượng sử dụng nhựa tới mức tối thiểu, từ đó cũng đã đưa ra được nhưng biện pháp giảm ô nhiễm nhựa một cách hiệu quả, hợp lý.
35	Đại học	Đánh giá tác động và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường	Trần Thị Thương	ThS. Lê Thị Đào	Bài báo cáo lập ra các ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình xây dựng và các biện pháp khác phục. Các yêu cầu về được cấp quyền triển khai dự án trên diện tích đất đăng ký, các văn bản pháp luật cần thiết để lập dự án theo yêu cầu pháp luật. Đánh giá tác động môi trường



		cho dự án khu nhà ở cao cấp Đồ Gia (Ruby Castle) của Công ty TNHH thương mại và tư vấn Ngọc Điền			qua ba giai đoạn chuẩn bị thi công dự án, giai đoạn xây dựng dự án và giai đoạn dự án hoạt động như xử lý các vấn đề về chất thải, nước thải, bụi, chất thải rắn. Đánh giá rủi ro, sự cố trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn dự án hoạt động như các vấn đề an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy và một số vấn đề khác. Đưa ra các biện pháp khắc phục và giải thiếu ô nhiễm đã đưa ra ở phần đánh giá tác động môi trường.
36	Đại học	Tìm hiểu công tác quản lý an toàn lao động và đề xuất xây dựng hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty TNHH Camso Việt Nam	Trần Trung Tính	ThS. Lê Thị Đào	Vì lớp xe chứa các thành phần hóa học dễ cháy và quy trình sản xuất hoàn toàn bằng máy móc tự động nên đề tài “ Tìm hiểu công tác quản lý An toàn Lao Động và đề xuất xây dựng hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty TNHH CamSo Việt Nam” được thực hiện nhằm mang lại những kinh nghiệm thực tế trong quá trình vận hành nhà máy hoạt động. Trong quá trình tìm và nghiên cứu, thu thập dữ liệu mang lại kỹ năng, kinh nghiệm,... để đưa ra các biện pháp phòng chống TNLĐ và An toàn phòng chống cháy nổ tại Công ty TNHH CamSo và các biện pháp nghiệp vụ để ứng cứu, đối phó với tình huống xấu xảy ra tại Công ty nhằm hạn chế tối đa sự cố xảy ra cho Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất. Từ những kiến thức đã được học tại trường và kinh nghiệm thực tế mang lại trong suốt quá trình thực hiện đề tài là tư liệu, hành trang, tiền đề quan trọng để bản thân tự tin hơn khi đi làm thực tế
37	Đại học	Đánh giá hiện trạng an toàn và tác động đến sức khỏe môi trường lao động tại Công ty TNHH Nhân Hoàng	Trần Thị Ngọc Trâm	PGS.TS. Chế Đình Lý	Đề tài “Đánh giá hiện trạng an toàn và tác động đến sức khỏe người lao động trong sản xuất ghế sofa tại Công ty Nhân Hoàng”. Giúp ta nghiên cứu hiện trạng lao động xác định các mối nguy hại và rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân. Qua đó nhằm đề xuất giảm thiểu sự cố xảy ra tác động đến sức khỏe công nhân. Trong đề tài này tôi nghiên cứu các vấn đề chính như: đánh giá hiện trạng sản xuất và quản lý môi trường, an toàn lao động, phân tích xác định mối nguy hại từ hoạt động sản xuất, tính toán mức độ rủi ro phơi nhiễm hóa chất. Từ đó đề xuất đề xuất giải pháp quản lý an toàn sức khỏe, môi trường. Bằng phương pháp xác định mối nguy hại, đánh giá rủi ro môi trường, phân tích cây sai lầm, phương pháp bán định lượng qua hệ số HQ để đánh giá rủi ro sức khỏe, qua bảng nhận diện thành phần ô nhiễm môi trường lao động. Kết quả nguyên cứu cho thấy tuy công ty mới thành lập năm 2017, nhưng nhà xưởng đã thực hiện được công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động đã được chú trọng. Hệ thống phòng cháy chữa cháy trang bị đầy đủ và công tác an toàn lao động cũng rất tốt. Hiện trạng quản lý an toàn sức khỏe tại công ty sản xuất ghế sofa Nhân Hoàng được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định của pháp luật. Các nguồn có khả năng phát sinh mối nguy hại ảnh hưởng tới sức khỏe công nhân được kiểm soát chặt chẽ như: xe đụng vào người do hàng hóa sắp xếp cao chắn tầm nhìn, té ngã do không chú ý, bụi từ quá trình vận chuyển, hàng hóa rơi trúng người trong lúc bê vác hàng hóa lên xe, bụi phát

					sinh từ nguyên liệu và máy móc, tiếng ồn từ quá trình gia công định hình, rung, máy móc cắt trúng tay sự bất cẩn của công nhân vật văng bắn, thiếu ánh sáng ảnh hưởng đến thị lực, rò rỉ gây chập điện, nhiệt độ cao, môi trường làm việc nóng,... Các rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến nguy cơ an toàn lao động như: hóa chất, nhiệt độ cao, môi trường làm việc nóng, sàn nhà bừa bộn, mang vác vật nặng. Các biện pháp đề xuất để giải pháp quản lý rủi ro sức khỏe người lao động như: tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, tập huấn sơ cứu cho công nhân định kỳ theo quy định của pháp luật, an toàn trong quản lý hóa chất, nâng cao trách nhiệm phòng ngừa cháy, nổ.
38	Đại học	Đánh giá rủi ro môi trường từ ô nhiễm hữu cơ nước thải các KCN huyện Long Thành bằng chỉ số Nemerow và PCA phân tích thành phần chính	Lê Nguyễn Thanh Trí	ThS. Nguyễn Hiền Thân	Bài nghiên cứu này nhằm đánh giá rủi ro môi trường bằng cách sử dụng chỉ số Nemerow cải tiến và phương pháp phân tích thành phần chính (PCA) tại Khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu này nhằm đánh giá rủi ro môi trường từ ô nhiễm hữu cơ nước thải các khu công nghiệp đến môi trường, để đánh giá rủi ro môi trường từ ô nhiễm hữu cơ nước thải của các không công nghiệp để góp phần đánh giá về hiện trạng chất lượng nước thải tốt hay xấu đến môi trường đặc biệt là để bảo tồn động vật thủy sinh. Trong đó, nội dung nghiên cứu của bài được chia làm bốn nội dung chính là: trọng số các chất ô nhiễm tính toán chỉ số rủi ro môi trường, hiện trạng xử lý nước thải của các khu công nghiệp, thực trạng rủi ro môi trường do ô nhiễm nước thải hữu cơ tại khu công nghiệp Long Thành, cuối cùng là đề xuất các giải pháp. Kết quả cho thấy chất lượng nước thải của các KCN đều nằm trong giới hạn cho phép, chỉ riêng thông số pH là vượt chuẩn, mức độ rủi ro môi trường từ ô nhiễm hữu cơ của các khu công nghiệp có mức độ rủi ro từ thấp đến rủi ro cực cao, được xếp theo thứ tự giảm dần như sau: khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn có mức độ rủi ro cực cao (6,7). Ba khu công nghiệp Long Thành, Gò Dầu và An Phước lần lượt có mức độ rủi ro cao (từ 3 đến 5). Mặt khác, Khu công nghiệp Long Đức không có rủi ro về môi trường. Ngoài ra nghiên cứu sẽ cung cấp giải pháp để góp phần làm giảm rủi ro ô nhiễm hữu cơ trong nước thải của các khu công nghiệp huyện Long Thành.
39	Đại học	Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt và tác động của ô nhiễm nước đến sức khỏe người dân tại TP. Dĩ An	Trần Phạm Mai Trinh	PGS.TS. Chế Đình Lý	Đề tài tổng quan được các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và khái quát được đặc điểm – cấu trúc của tầng NĐĐ trong khu vực Tp. Dĩ An. Tổng quan được hiện trạng nước ngầm tại địa phương có tổng lưu lượng đang khai thác NĐĐ trên địa bàn là 84.855,38 m <sup>3</sup> /ngày. Trong đó: Điều tra ngẫu nhiên 100 hộ gia đình. Kết quả điều tra cho thấy có 3 dạng sử dụng nước: Hộ gia đình chỉ sử dụng NĐĐ, hộ gia đình sử dụng nước từ 02 nguồn là NĐĐ và thủy cục, số còn lại chỉ sử dụng nước thủy cục. Điều tra ngẫu nhiên 96 Doanh nghiệp sản xuất ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Kết quả cho thấy có 3 dạng sử dụng nước: Doanh nghiệp chỉ sử dụng NĐĐ, Doanh nghiệp chỉ sử dụng nước thủy cục, số còn lại sử dụng nước

					từ 02 nguồn là NĐĐ và thủy cục. Đề tài đưa ra các phương pháp đánh giá nhu cầu sử dụng nước dưới đất tại địa bàn chủ yếu dùng để sinh hoạt, tưới tiêu, phục vụ cho sản xuất. Phân tích được hiện trạng khai thác và sử dụng nước dưới đất trong khu dân cư và khu công nghiệp tại Tp. Dĩ An có tổng số lượng giếng khoan đang khai thác trên địa bàn là 35.011 giếng. Trong đó, tổng số giếng khai thác ở tầng qđ1, n22 là 33.865 giếng, tương ứng với lưu lượng khai thác là 76.656,38 m <sup>3</sup> /ngày. Phân tích được các chỉ tiêu nước dưới đất tại thành phố Dĩ An từ số liệu quan trắc so với tiêu chuẩn nước dưới đất QCVN 09:2015/BTNMT. Đề tài đánh giá được chất lượng nước dưới đất tại thành phố Dĩ An từ năm 2018 đến năm 2019. Cuối cùng, đưa ra các giải pháp quản lý nhằm giảm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất tại Thành phố Dĩ An.
40	Đại học	Xác định mối nguy hại và đánh giá rủi ro tại chi nhánh xử lý nước thải Dĩ An	Hồ Tổng Trọn	ThS. Nguyễn Hiền Thân	Nhà máy xử lý nước thải là một cơ sở hạ tầng vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống và nhu cầu sử dụng nước hàng ngày của con người, mặc khác đảm bảo được chất lượng nước cho môi trường tự nhiên. Trong quá trình hoạt động hàng ngày của nhà máy luôn tồn tại những vấn đề về rủi ro sức khỏe tác động đến sức khỏe của các công nhân làm việc tại nhà máy. Đánh giá rủi ro được thực hiện bằng phương pháp đánh giá rủi ro bán định lượng. Đánh giá rủi ro được thực hiện bằng cách sử dụng các tiêu chí về mức độ nghiêm trọng và khả năng xảy ra tai nạn. Kết quả thu được từ việc đánh giá rủi ro này là 18 mối nguy tiềm ẩn xuất hiện trong quá trình xử lý nước. Các mối nguy hại tồn tại trong quá trình đánh giá rủi ro là rò rỉ của tháp khử mùi và phát sinh khí thải độc hại của vi sinh chết có giá trị cao nhất với thang điểm rủi ro là 20 điểm, tác động thường xuyên tới nhà máy. Nghiên cứu đã chỉ rõ ra được các mối nguy hiện hữu trong nhà máy và đây sẽ là tiền đề cho các giải pháp giảm thiểu cho sự cố xảy ra trong nhà máy.
41	Đại học	Xây dựng kế hoạch quản lý an toàn lao động tại công ty may Việt Tiến	Nguyễn Anh Tú	ThS. Lê Thị Đào	Công ty đang hoạt động tốt và ổn định thì công tác xây dựng an toàn sức khỏe lao động được công ty quan tâm nhiệt tình và đáp ứng đầy đủ những quy chuẩn, tiêu chuẩn của bộ lao động thương binh và xã hội. Hiện trạng quản lý môi trường tại xí nghiệp được thực hiện nghiêm túc đúng quy định pháp luật. Trong công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động, đa phần công nhân làm việc tại xí nghiệp đều tuân thủ các quy trình vận hành thiết bị đúng quy định. Đề tài đánh giá rủi ro sức khỏe môi trường lao động tại xí nghiệp May Việt Long đưa ra được những đề xuất nhằm cải thiện điều kiện an toàn lao động tại công ty qua đó giúp làm giảm thiểu đi những ro máy móc, điện,... đe dọa đến sức khỏe người lao động

42	Đại học	Xây dựng kế hoạch quản lý an toàn sức khỏe môi trường cho công ty gỗ Ngọc Diệp, Bến Cát	Nguyễn Thị Cẩm Vân	PGS.TS. Chế Đình Lý	<p>Bài báo cáo được thực hiện với mục tiêu nâng cao khả năng quản lý rủi ro trong các vấn đề liên quan đến an toàn – sức khỏe – môi trường cho công ty TNHH Ngọc Diệp. Xây dựng chương trình quản lý rủi ro cho các hoạt động sản xuất ở công ty. Mục đích nghiên cứu là xác định các rủi ro và mối nguy có thể xảy ra của Công ty TNHH gỗ Ngọc Diệp nhằm nâng cao bảo vệ sức khỏe con người, quản lý rủi ro giảm thiệt hại sức khỏe và kinh tế cho công ty. Từ đó xây dựng kế hoạch quản lý an toàn sức khỏe môi trường cho tại công ty gỗ Ngọc Diệp, Bến Cát. Mô hình Bowtie mang lại một giải pháp tối ưu cho Công ty Ngọc Diệp Việt Nam trong việc quản lý rủi ro liên quan đến ATSKMT qua đó góp phần giúp công ty có môi trường làm việc an toàn và không ảnh hưởng đến môi trường đồng thời giúp công ty đạt được chứng nhận ISO 45001:2018.</p>
43	Đại học	Xây dựng kế hoạch quản lý an toàn sức khỏe môi trường cho công ty TNHH gia dụng Lập Giai	Nguyễn Thị Thu Vân	PGS.TS. Chế Đình Lý	<p>Báo cáo trình bày toàn bộ nội dung của đề tài “Xây Dựng Kế Hoạch Quản Lý An Toàn Sức Khỏe Môi Trường Cho Công Ty TNHH Gia Dụng Lập Giai”. Bài báo cáo trình bày bảng kế hoạch quản lý an toàn sức khỏe môi trường cho Công ty TNHH Gia Dụng Lập Giai. Đồ án xây dựng kế hoạch quản lý an toàn sức khỏe môi trường đã được thực hiện đầy đủ theo nội dung đề ra. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động môi trường một cách chi tiết và toàn diện của dự án có thể rút ra một số kết luận chính sau đây: Bảng kế hoạch đã xác định được các mối nguy hại và sự cố có thể xảy ra tại Công ty. Đánh giá rủi ro sơ bộ cho các mối nguy và đã xác định được những mối nguy hàng đầu có thể dẫn đến thiệt hại nặng cho Công ty đó là mối nguy do máy móc, do bụi gỗ bụi sơn và sự cố cháy nổ cần được quan tâm. Dự án được thực hiện ở vị trí phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Hoạt động của dự án sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung. Góp phần tăng thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho khoảng hơn 37 lao động hiện trạng môi trường nền tại khu vực dự án chưa bị ô nhiễm. Đây là các chỉ thị môi trường cho phép đánh giá những diễn biến và thay đổi trong chất lượng môi trường tại khu vực dự án dưới các tác động tiêu cực do hoạt động lâu dài của dự án. Hoạt động lâu dài của dự án có thể gây ra một số tác động tiêu cực tới kinh tế - xã hội và môi trường, nếu không có các biện pháp phòng ngừa, khống chế, xử lý ô nhiễm môi trường. Các tác động đó cụ thể là: Gây ô nhiễm môi trường không khí trên khu vực do bụi, khí thải, tiếng ồn do hoạt động của dự án. Gây ô nhiễm nguồn nước do nước thải, nước mưa chảy tràn, trong quá trình hoạt động lâu dài của dự án. Gây ô nhiễm môi trường đất do chất thải rắn nguy hại, không nguy hại và rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động lâu dài của dự án; Gia tăng nguy cơ xảy ra sự cố môi trường (sạt lở đất, tai nạn lao động, cháy nổ,...). Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp không chỉ để nâng cao hình ảnh của công ty mà nó còn là trách nhiệm của công ty đối với người lao động và</p>

					<p>đối với xã hội. Trong quá trình sản xuất công ty công đã và đang có những biện pháp để đảm bảo an toàn cho công nhân trong quá trình lao động, nhưng các biện pháp này mới chỉ thực hiện hời hợt mang tính chất tạm thời, mang lại hiệu quả chưa cao. Bài đồ án này có thể chưa thật sự hoàn chỉnh nhưng tôi mong rằng nó sẽ giúp công ty, và mọi người hiểu rõ hơn về cách quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong công ty.</p>
44	Đại học	<p>Đánh giá hiện trạng an toàn và tác động đến sức khỏe người lao động tại Công ty sản xuất đồ gia dụng Lập Giai</p>	<p>Nguyễn Lê Tường Vy</p>	<p>PGS.TS. Chế Đình Lý</p>	<p>Đánh giá tác hại của các hóa chất, mối nguy hại của tiếng ồn, bụi trong môi trường sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động ngành chế biến gỗ là việc làm cần thiết vì ngành chế biến gỗ là một trong những ngành số lượng công ty (5,27%) và số lượng công nhân (16%) cao nhất trong các ngành sản xuất tại Bình Dương. Mục tiêu của luận văn là đánh giá rủi ro sức khỏe và đưa ra giải pháp giảm thiểu rủi ro sức khỏe đối với người lao động ngành chế biến gỗ tại công ty Lập Giai tỉnh Bình Dương. Luận văn được thực hiện từ 8-5-2013 đến tháng 20-12-2013, đã thu được một số kết quả sau: Đã tổng quan, hiện trạng môi trường lao động và sức khỏe công nhân ngành gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Dương và tại công ty Lập Giai. Kết quả cho thấy môi trường lao động ngành gỗ tỉnh Bình Dương còn ô nhiễm các yếu tố hơi dung môi, tiếng ồn, ánh sáng. Sức khỏe người lao động loại IV chiếm từ 17-20% và loại V chiếm 1,3-1,5%, loại III chiếm 25-27%, kết quả kiểm tra thính lực có 34,2% giảm thính lực với tuổi nghề từ 2-12 tiếp xúc với tiếng ồn cao, khảo sát tại công ty gỗ Lập Giai công nhân đã than phiền về mùi hôi của hóa chất (35,5%), các triệu chứng như đau, chóng mặt, dị ứng, ngứa chiếm từ 14-42% tất cả các triệu chứng này đều là những triệu thường gặp khi tiếp xúc với dung môi, sức khỏe loại V chiếm 10,1%, loại III chiếm 29,3%, kết quả kiểm tra thính lực sơ bộ có 10,34% công nhân giảm thính lực do tiếng ồn và 14% giảm sức nghe một hoặc 2 tai không rõ nguyên nhân, môi trường lao động tại công ty ô nhiễm tiếng ồn, hơi dung môi, ánh sáng. Qua nghiên cứu, đã nhận diện được các mối nguy hại từ ngành gỗ gồm 3 nhóm: cháy nổ, vật lý, hóa học. Đánh giá rủi ro sơ bộ cho thấy tiếng ồn tổ mộc máy, hóa chất tổ sơn, cháy nổ tại các tổ có mức rủi ro rất cao, bụi tổ chà nhám có mức rủi ro cao, và ánh sáng có mức rủi ro trung bình. Kết quả định lượng rủi ro hóa chất, bụi dựa vào tỷ số nguy hại (HQ) tại tổ trét bã bột, tổ phun sơn và tổ hóa chất cho thấy Toluene (HQ=0,4-2,55), Xylen (HQ=10,3-17), MEK (HQ=44,7-120), tỷ số nguy hại tại cả ba tổ đều ở mức rủi ro cao, chỉ có tỷ số HQ của Toluene tại tổ phun sơn là thấp. Tuy nhiên tổng HQ tại các tổ đều ở mức rủi ro cao từ 55-139, bụi tại tổ chà nhám ở mức rủi ro thấp HQ=0,22 và Tiếng ồn tại tổ mộc máy từ 87-96 dBA, tỉ lệ công nhân tổ này giảm sức nghe chiếm 8% . Bài báo cáo đã đề xuất một số giải pháp giảm thiểu rủi ro về mặt quản lý, kỹ thuật , bảo hộ lao động và y tế chung cho công ty và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro cụ thể với từng yếu tố rủi ro như hóa chất, tiếng ồn, bụi, cháy nổ, đưa ra kế hoạch ứng phó khi gặp sự cố rủi ro về hóa chất, cháy nổ.</p>

45	Đại học	Kiểm toán áp lực môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2005-2017 và đề xuất biện pháp khắc phục	Lê Thu Yên	PGS.TS. Chế Đình Lý	Sự gia tăng áp lực môi trường từ các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt đô thị đã làm gia tăng tác động xấu đến môi trường và gây khó khăn cho công tác quản lý môi trường. Vì vậy, kiểm toán môi trường đã được áp dụng rất nhiều và đã trở thành công cụ phổ biến trong quản lý môi trường. Từ đó, báo cáo đã tính toán các áp lực môi trường tại tỉnh Đồng Nai trên cơ sở quyết định số 88/QĐ-UBND về hướng dẫn thu thập, tính toán các chỉ thị môi trường. Trong đó, báo cáo đã tính toán tải lượng nước thải, khí thải, chất thải rắn từ công nghiệp và sinh hoạt. Ngoài ra, báo cáo còn tính toán tải lượng hóa chất từ phân bón và thuốc trừ sâu trong nông nghiệp. Qua đó có thể thấy, công nghiệp là ngành có tải lượng lớn nhất. Từ kết quả tính toán, báo cáo cũng đề xuất các biện pháp quản lý hiệu quả và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
46	Đại học	Đánh giá mức độ rủi ro và đề xuất biện pháp quản lý rủi ro tại nông trường cao su Hội Nghĩa Bình Dương	Nguyễn Thị Ngọc Yên	ThS. Hồ Bích Liên	Báo cáo là kết quả của sự nghiên cứu và khảo sát thực tế hiện trạng tình hình an toàn vệ sinh lao động tại Nông trường cao su Hội Nghĩa tỉnh Bình Dương. Báo cáo cho biết cách nhận dạng các mối nguy bao gồm các mối nguy về vật lý, sinh học, tâm lý thể chất,... các phương pháp phòng chống và ngăn ngừa. Các chương trình tập huấn, huấn luyện, các chương trình khuyến khích người lao động về an toàn vệ sinh lao động, công tác phụ cấp, bồi dưỡng sức khỏe theo, công tác huấn luyện PCCC, đồ bảo hộ lao, những chính sách của công ty về chế độ khen thưởng, kỷ luật cho người lao động, chế độ ăn uống dinh dưỡng cho công nhân, hiện trạng môi trường lao động, hiện trạng nguồn phát thải. Từ các số liệu trên báo cáo sẽ cho ra các kết quả khảo sát bằng phương pháp ma trận để có thể đánh giá tình trạng an toàn vệ sinh lao động môi trường tại Nông trường một cách chính xác nhất. Và đề ra các phương pháp, chính sách nhằm cải thiện và giúp nông trường phát triển hơn.

Bình Dương, ngày ..... tháng 6 năm 2021

**HIỆU TRƯỞNG**

Đã ký

TS. Nguyễn Quốc Cường